NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 03 /2022/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 20 tháng 5 năm 2022*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này hướng dẫn việc hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại đối với khách hàng theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước đối với khoản vay của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

2. Đối tượng áp dụng: Ngân hàng thương mại, khách hàng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc cho vay hỗ trợ lãi suất

Ngân hàng thương mại thực hiện cho vay hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Phương thức hỗ trợ lãi suất

Đến thời điểm trả nợ của từng kỳ hạn trả nợ lãi, ngân hàng thương mại lựa chọn thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng theo một trong các phương thức sau:

1. Giảm trừ trực tiếp số lãi tiền vay phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất.

2. Thực hiện thu của khách hàng toàn bộ lãi tiền vay trong kỳ và hoàn trả khách hàng số tiền lãi vay được hỗ trợ lãi suất trong cùng ngày thu lãi. Trường hợp việc thu lãi vay trong kỳ thực hiện sau giờ làm việc của ngân hàng thương mại thì việc hoàn trả số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất có thể thực hiện vào ngày tiếp theo.

Điều 4. Xác định, thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với từng ngân hàng thương mại

1. Các ngân hàng thương mại đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất từ ngân sách nhà nước cho cả 02 năm 2022, 2023 và chi tiết từng năm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

2. Trường hợp tổng số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của các ngân hàng thương mại trong 02 năm 2022 và 2023 nhỏ hơn hoặc bằng 40.000 tỷ đồng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với từng ngân hàng thương mại theo đăng ký.

3. Trường hợp tổng số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của các ngân hàng thương mại trong 02 năm 2022 và 2023 lớn hơn 40.000 tỷ đồng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với từng ngân hàng thương mại như sau:

a) Hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023 bằng tích số giữa 40.000 tỷ đồng và tỷ trọng dư nợ cho vay đến 31/12/2021 của từng ngân hàng thương mại trên tổng dư nợ cho vay của các ngân hàng thương mại có đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất, nhưng không vượt quá số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của từng ngân hàng thương mại, cụ thể được xác định theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Căn cứ kết quả xác định hạn mức trong 02 năm 2022 và 2023 nêu tại điểm a Khoản này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất trong năm 2022 đối với từng ngân hàng thương mại bằng số tiền hỗ trợ lãi suất

theo đăng ký kế hoạch năm 2022. Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch năm 2022 lớn hơn hoặc bằng hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023 thì hạn mức hỗ trợ lãi suất năm 2022 bằng hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023.

Hạn mức xác định trong năm 2023 bằng hạn mức xác định trong 02 năm 2022 và 2023 trừ hạn mức xác định trong năm 2022.

4. Trong thời gian chưa có quyết định giao vốn ngân sách trung ương bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và khoản 5 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo cho ngân hàng thương mại hạn mức hỗ trợ lãi suất dự kiến năm 2022 theo hạn mức xác định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Căn cứ quyết định giao vốn ngân sách trung ương bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 và quyết định giao vốn ngân sách trung ương bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất năm 2022 và năm 2023 cho từng ngân hàng thương mại, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư để phối hợp thực hiện.

6. Căn cứ phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc cho phép chuyển nguồn ngân sách nhà nước từ năm 2022 sang năm 2023 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo về hạn mức hỗ trợ lãi suất năm 2022 được chuyển sang năm 2023 cho các ngân hàng thương mại, đồng thời gửi Bộ Tài chính để phối hợp thực hiện.

7. Trong Quý III năm 2023, trong trường hợp cần thiết, căn cứ báo cáo của các ngân hàng thương mại theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, điều chỉnh hạn mức hỗ trợ lãi suất giữa các ngân hàng thương mại theo nguyên tắc chuyển từ ngân hàng thương mại không có nhu cầu sử dụng hết hạn mức (nếu có) tới ngân hàng thương mại có nhu cầu bổ sung hạn mức (nếu có). Trường hợp số hạn mức có nhu cầu bổ sung lớn hơn số hạn mức không có nhu cầu sử dụng hết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện phân bổ cho các ngân hàng thương mại có nhu cầu bổ sung hạn mức căn cứ theo kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất đến cuối tháng 6 năm 2023 của các ngân hàng thương mại này.

Điều 5. Quản lý hạn mức hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại

1. Tổng số tiền ngân hàng thương mại hỗ trợ lãi suất và đề nghị ngân sách nhà nước thanh toán hỗ trợ lãi suất trong từng năm không vượt quá hạn mức hỗ trợ lãi suất được thông báo trong năm đó.

2. Ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng theo thứ tự ưu tiên thời điểm thu lãi đến trước trong phạm vi hạn mức hỗ trợ lãi suất được thông báo. Trường hợp trong quá trình hỗ trợ lãi suất, hạn mức hỗ trợ lãi suất còn

lại không đủ để thực hiện hỗ trợ cho các nghĩa vụ trả nợ lãi tại cùng một thời điểm trả nợ, ngân hàng thương mại thực hiện hỗ trợ lãi suất theo thứ tự khách hàng đã ký thỏa thuận cho vay được hỗ trợ lãi suất trước và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại.

3. Căn cứ kết quả hỗ trợ lãi suất đối với khách hàng, từng ngân hàng thương mại thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thời điểm dừng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

4. Trường hợp được thông báo bổ sung hạn mức hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này, ngân hàng thương mại thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại và tiếp tục hỗ trợ lãi suất cho khách hàng kể từ ngày có thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Ngân hàng thương mại làm tròn theo đơn vị đồng đối với số tiền liên quan đến hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này.

Điều 6. Hạch toán kế toán

1. Ngân hàng thương mại hạch toán kế toán cho vay hỗ trợ lãi suất, thanh toán hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, Thông tư này và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Đối với số lãi tiền vay đã được hỗ trợ lãi suất phải thu hồi của khách hàng theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP, ngân hàng thương mại hạch toán ghi nhận khoản lãi phải thu khách hàng. Trường hợp sau đó đánh giá không thu hồi được, ngân hàng thương mại thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ vào ngày 20 hằng tháng, các ngân hàng thương mại báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) về kết quả hỗ trợ lãi suất theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này, đảm bảo phù hợp với số liệu báo cáo theo các mẫu biểu quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

2. Trước ngày 20 các tháng 10, 11, 12 năm 2022 (báo cáo các kỳ số liệu tháng 9, 10, 11 năm 2022), các ngân hàng thương mại báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) về dự kiến chuyển nguồn hạn mức hỗ trợ lãi suất năm 2022 sang năm 2023 theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trước ngày 20 tháng 7 năm 2023, các ngân hàng thương mại có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Vụ Tín dụng các ngành kinh

tế) về dự kiến hỗ trợ lãi suất đến cuối năm 2023 theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại

1. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này để tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống, trong đó quy định tối thiểu các nội dung sau:

a) Các nội dung về hỗ trợ lãi suất tại thỏa thuận cho vay, phụ lục sửa đổi, bổ sung thỏa thuận cho vay, chứng từ nhận nợ giữa ngân hàng thương mại và khách hàng;

b) Nội dung thỏa thuận giữa ngân hàng thương mại và khách hàng về các biện pháp thu hồi trong trường hợp phải thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

2. Xác định và ghi rõ nội dung về mục đích sử dụng vốn vay phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP tại thỏa thuận cho vay hoặc phụ lục sửa đổi, bổ sung thỏa thuận cho vay hoặc chứng từ nhận nợ giữa ngân hàng thương mại và khách hàng.

3. Thực hiện việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này; trường hợp từ chối hỗ trợ lãi suất phải có văn bản thông báo cho khách hàng.

4. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay theo đúng mục đích sử dụng vốn vay được hỗ trợ lãi suất.

5. Theo dõi, lưu trữ hồ sơ, hạch toán, thống kê riêng các khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này.

6. Thông tin, truyền thông về chính sách hỗ trợ lãi suất tại ngân hàng thương mại theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này.

7. Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của ngân hàng thương mại thời điểm dừng hỗ trợ lãi suất.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

a) Đầu mối theo dõi kết quả hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại và tham mưu Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai các nội dung quy định tại điểm a, b, d, đ, e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP;

b) Tham gia Tổ công tác hỗ trợ lãi suất liên ngành theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

2. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này;

b) Tham gia Tổ công tác hỗ trợ lãi suất liên ngành theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

3. Vụ Tài chính – Kế toán:

a) Hướng dẫn các vấn đề về hạch toán kế toán liên quan đến cho vay hỗ trợ lãi suất, thanh toán, quyết toán hỗ trợ lãi suất, thu hồi số lãi tiền vay đã được hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này;

c) Tham gia Tổ công tác hỗ trợ lãi suất liên ngành theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

4. Vụ Dự báo, thống kê

a) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này;

b) Tham gia Tổ công tác hỗ trợ lãi suất liên ngành theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

5. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Thực hiện thanh tra, giám sát việc cho vay hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại theo quy định;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này;

c) Tham gia Tổ công tác hỗ trợ lãi suất liên ngành theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

6. Vụ Truyền thông

a) Thông tin, truyền thông về chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng các ngành kinh tế để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP và Thông tư này.

7. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Theo dõi tình hình, kết quả thực hiện hỗ trợ lãi suất của chi nhánh các ngân hàng thương mại trên địa bàn và báo cáo, đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý các vấn đề phát sinh;

b) Thực hiện thanh tra, giám sát việc cho vay hỗ trợ lãi suất của ngân hàng thương mại, chi nhánh các ngân hàng thương mại trên địa bàn theo quy định và báo cáo, đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý các vấn đề phát sinh;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để đề xuất việc chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền trên địa bàn phối hợp với ngân hàng thương mại thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH-ĐT, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ TDCNKT (03b).

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đào Minh Tú

PHỤ LỤC 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

XÁC ĐỊNH HẠN MỨC HỖ TRỢ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Bước 1: Xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với từng ngân hàng thương mại trong 02 năm 2022 và 2023 theo tỷ trọng dư nợ cho vay:

$I_i = 40.000 \times C_i / \sum C_i$ (tỷ đồng)

Trong đó:

- I_i là hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với ngân hàng thương mại i trong 02 năm 2022 và 2023 xác định theo tỷ trọng dư nợ cho vay;
- C_i là dư nợ cho vay của ngân hàng thương mại i đến 31/12/2021;
- $\sum C_i$ là tổng dư nợ cho vay đến 31/12/2021 của các ngân hàng thương mại có đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất;

Bước 2: Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của ngân hàng thương mại nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức tại bước 1 thì xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với ngân hàng thương mại đó theo kế hoạch đăng ký;

Bước 3: Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của ngân hàng thương mại lớn hơn hạn mức tại bước 1 thì xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với ngân hàng thương mại này như sau:

$I_{ii} = (40.000 - \sum I_i) \times C_{ii} / \sum C_{ii}$

Trong đó:

- I_{ii} là hạn mức hỗ trợ lãi suất đối với ngân hàng thương mại tại bước 3 (ngân hàng thương mại ii) trong 02 năm 2022 và 2023 xác định theo tỷ trọng dư nợ cho vay;
- $\sum I_i$ là tổng hạn mức hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại tại bước 2;
- C_{ii} là dư nợ cho vay của ngân hàng thương mại ii đến 31/12/2021;
- $\sum C_{ii}$ là tổng dư nợ cho vay của các ngân hàng thương mại ii đến 31/12/2021;

Bước 4: Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký của ngân hàng thương mại nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức tại bước 3 thì xác định hạn mức hỗ trợ lãi suất theo kế hoạch đăng ký;

Bước 5: Trường hợp số tiền hỗ trợ lãi suất theo đăng ký kế hoạch của ngân hàng thương mại lớn hơn hạn mức tại bước 3 thì tiếp tục xác định theo cách thức nêu tại bước 3 và bước 4 cho tới khi hết 40.000 tỷ đồng.

PHỤ LỤC 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ LÃI SUẤT THEO NGHỊ ĐỊNH 31/2022/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ 03/2022/TT-NHNN

Kỳ số liệu báo cáo: Tháng ...../.....

Đơn vị tính: đồng, khách hàng

TT	Ngành, lĩnh vực	Dư nợ cho vay được HTLS tại ngày cuối tháng báo cáo	Phát sinh trong tháng báo cáo			Lũy kế từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo		
			Doanh số cho vay được HTLS	*Số lượng khách hàng vay được HTLS*	*Số tiền đã HTLS*	*Doanh số cho vay được HTLS*	*Số lượng khách hàng vay được HTLS*	*Số tiền đã HTLS*
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
I	**Hỗ trợ lãi suất theo ngành, lĩnh vực kinh tế**							
1	**Theo ngành kinh tế**							
1.1	Hàng không, vận tải kho bãi (H)							
1.1.1	*Trong đó: Hàng không*							
1.2	Du lịch (N79)							
1.3	Dịch vụ lưu trú, ăn uống (I)							
1.4	Giáo dục và đào tạo (P)							
1.5	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản (A)							
1.6	Công nghiệp chế biến, chế tạo (C)							
1.7	Xuất bản phần mềm (J582)							
1.8	Lập trình máy vi tính và hoạt động liên quan (J62)							
1.9	Hoạt động dịch vụ thông tin (J63)							
2	**Thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo chung cư cũ**							
2.1	Nhà ở xã hội							

2.2	Nhà ở cho công nhân							
2.3	Cải tạo chung cư cũ							
II	**Hỗ trợ lãi suất theo đối tượng khách hàng**							
1	Doanh nghiệp							
2	Hợp tác xã							
3	Hộ kinh doanh							
III	**Tổng cộng (=I=II)**							

Hướng dẫn lập báo cáo:

1. Đối tượng áp dụng: Các ngân hàng thương mại được thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất.

2. Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 20 hằng tháng.

3. Yêu cầu số liệu báo cáo:

- Trụ sở chính ngân hàng thương mại gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước thông qua hệ thống báo cáo thống kê tập trung của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bao gồm:

+ Số liệu toàn hệ thống.

+ Số liệu từng chi nhánh ngân hàng thương mại trong hệ thống.

- Kiểu dữ liệu: dạng số nguyên, tối đa 20 chữ số.

4. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.

5. Hướng dẫn cụ thể:

- Số liệu báo cáo không bao gồm các khoản vay phải thu hồi số tiền đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

- Cột (3): Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại ngày cuối tháng báo cáo.

- Cột (4): Doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo.

- Cột (5): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo (tương ứng với cột 4).

- Cột (6): Số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất trong tháng báo cáo.

- Cột (7): Lũy kế doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo.

- Cột (8): Lũy kế số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo (tương ứng với cột 7).

- Cột (9): Lũy kế số tiền ngân hàng thương mại đã hỗ trợ lãi suất từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo.

Huan

PHỤ LỤC 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO DỰ KIẾN CHUYỂN NGUỒN HẠN MỨC HỖ TRỢ LÃI SUẤT NĂM 2022 SANG NĂM 2023 THEO NGHỊ ĐỊNH 31/2022/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ 03/2022/TT-NHNN

(đính kèm Công văn số ... của ngân hàng thương mại)

Kỳ số liệu báo cáo: Tháng ...../.....

Đơn vị tính: đồng

Số tiền đã HTLS lũy kế từ đầu chương trình đến cuối tháng báo cáo (tháng T)	Dự kiến số tiền HTLS phát sinh từ đầu tháng T+1 đến 31/12/2022	Dự kiến số tiền HTLS lũy kế từ đầu chương trình đến 31/12/2022	Hạn mức HTLS năm 2022	Dự kiến hạn mức HTLS năm 2022 chưa sử dụng hết đề nghị chuyển nguồn sang năm 2023
(1)	*(2)*	*(3) = (1)+(2)*	*(4)*	*(5)=(4)-(3)*

...., ngày... tháng... năm...

Người lập biểu	Kiểm soát	Tổng Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn lập báo cáo:

1. Đối tượng áp dụng: Các ngân hàng thương mại được thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất.

2. Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 20 các tháng 10, 11, 12 năm 2022 (báo cáo các kỳ số liệu tháng 9, 10, 11 năm 2022).

3. Các ngân hàng thương mại gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế).

4. Hướng dẫn cụ thể:

Số liệu báo cáo không bao gồm các khoản vay phải thu hồi số tiền hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 04

(Ban hành kèm theo Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 20/5/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

TÊN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO DỰ KIẾN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO NGHỊ ĐỊNH 31/2022/NĐ-CP

(đính kèm Công văn số ... của ngân hàng thương mại)

Đơn vị tính: đồng, khách hàng

Kết quả lũy kế từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023			**Dự kiến phát sinh từ ngày 01/7/2023 đến 31/12/2023**			**Dự kiến lũy kế từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023**			**Hạn mức HTLS năm 2023**
Doanh số cho vay được HTLS	***Số lượng khách hàng vay được HTLS***	***Số tiền NHTM đã HTLS***	***Doanh số cho vay được HTLS***	***Số lượng khách hàng vay được HTLS***	***Số tiền NHTM HTLS***	***Doanh số cho vay được HTLS***	***Số lượng khách hàng vay được HTLS***	***Số tiền NHTM HTLS***	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)=(1)+(4)*	*(8)=(2)+(5)*	*(9)=(3)+(6)*	*(10)*

Hạn mức HTLS có nhu cầu bổ sung: .....(đồng)

Hạn mức HTLS không có nhu cầu sử dụng hết: .....(đồng)

...., ngày... tháng... năm

Người lập biểu	**Kiểm soát**	**Tổng Giám đốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Hướng dẫn lập báo cáo:

1. Đối tượng áp dụng: Các ngân hàng thương mại được thông báo hạn mức hỗ trợ lãi suất.
2. Thời gian gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 20/07/2023 (báo cáo 01 lần).
3. Các ngân hàng thương mại gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (thông qua Vụ Tín dụng các ngành kinh tế).
4. Hướng dẫn cụ thể:

- Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6) không bao gồm các khoản vay phải thu hồi số tiền HTLS theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 31/2022/NĐ-CP;
- Cột (10): bao gồm hạn mức hỗ trợ lãi suất năm 2023 theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư này và hạn mức năm 2022 không sử dụng hết được chuyển nguồn sang năm 2023 theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư này.